

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1571/2022/TLST-VNHGD ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Huỳnh Phạm Quế H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Mai Văn H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: khu phố 1, khu tái định cư, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 18 tháng 05 năm 2022, ông Mai Văn H và bà Huỳnh Phạm Quế H nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Hồ sơ được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiếp nhận giải quyết. Quá trình vận động hòa giải, ông H và bà H thống nhất không hòa giải đoàn tụ. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung vào ngày 08/06/2022. Ông H có địa chỉ tại khu phố 1, khu tái định cư, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bà H có

địa chỉ cư trú tại khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của ông H, bà H được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Bà Huỳnh Phạm Quế H và ông Mai Văn H chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã H (nay là phường H), thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63/2016, ngày 21 tháng 11 năm 2016. Bà H và ông H có 01 con chung là cháu Mai Duy L, sinh ngày 22/08/2019. Bà H, ông H xác định không có tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình chung sống, ông bà thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Bà H và ông H xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con chung.

Xét thấy bà H và ông H thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của bà H và ông H đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của bà H và ông H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Huỳnh Phạm Quế H và ông Mai Văn H.

- Về con chung: Bà Huỳnh Phạm Quế H và ông Mai Văn H xác định có 01 con chung là cháu Mai Duy L, sinh ngày 22/08/2019. Bà H, ông H thỏa thuận giao cháu Duy L cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Các đương sự thỏa thuận ông Mai Văn H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung, tạm thời cấp dưỡng 4.000.000đ/tháng tính từ năm 2022, mỗi năm tăng lên 5% cho đến khi cháu Duy L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Cụ thể:

- Năm 2022: số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

- Năm 2023: số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm ngàn đồng).

- Năm 2024: số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 4.410.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm mười ngàn đồng).
- Năm 2025: số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 4.630.500 đồng (Bốn triệu sáu trăm ba mươi ngàn năm trăm đồng).
- Năm 2026: số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 4.862.025 đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn không trăm hai mươi lăm đồng).
- Năm 2027: số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 5.105.126 đồng (Năm triệu một trăm lẻ năm ngàn một trăm hai mươi sáu đồng).
- Năm 2028: số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 5.360.383 đồng (Năm triệu ba trăm sáu mươi ngàn ba trăm tám mươi ba đồng).
- Năm 2029: số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 5.628.402 đồng (Năm triệu sáu trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm lẻ hai đồng).
- Năm 2030: số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 5.909.822 đồng (Năm triệu chín trăm lẻ chín ngàn tám trăm hai mươi hai đồng).
- Năm 2031: số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 6.205.313 đồng (Sáu triệu hai trăm lẻ năm ngàn ba trăm mười ba đồng).
- Năm 2032: số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 6.515.579 đồng (Sáu triệu năm trăm mười lăm ngàn năm trăm bảy mươi chín đồng).
- Năm 2033: số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 6.841.357 đồng (Sáu triệu tám trăm bốn mươi một ngàn ba trăm năm mươi bảy đồng).
- Năm 2034: số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 7.183.425 đồng (Bảy triệu một trăm tám mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi lăm đồng).
- Năm 2035: số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 7.542.597 đồng (Bảy triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm chín mươi bảy đồng).
- Năm 2036: số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 7.919.726 đồng (Bảy triệu chín trăm mười chín ngàn bảy trăm hai mươi sáu đồng).
- Năm 2037: số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 8.315.713 đồng (Tám triệu ba trăm mười lăm ngàn bảy trăm mười ba đồng).

Các giao dịch thực hiện chuyển khoản qua thông tin:

Ngân hàng X

Số tài khoản: 5900xxx4605.

Chủ tài khoản: Huỳnh Phạm Quế H.

Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông Mai Văn H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền

xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Mai Văn H và bà Huỳnh Phạm Quế H mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu lệ phí số 0002944 ngày 25/05/2022 của Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, ông H và bà H đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phú